

BỘ TƯ PHÁP
CỤC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT VỀ BẦU CỬ

I. Tìm hiểu chủ trương, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về bầu cử; tuyên truyền ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031

1. Quyền bầu cử, ứng cử là gì? Tại sao nói bầu cử là quyền và nghĩa vụ của công dân?

Trả lời

- Quyền bầu cử là quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật trong việc được lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền bầu cử bao gồm việc giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu bầu cử để lựa chọn người đại diện cho mình tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

- Quyền ứng cử là quyền cơ bản của công dân khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật thì có thể thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Điều 27 Hiến pháp năm 2013 và Điều 2 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định: Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Việc thực hiện các quyền này do luật định.

- Quyền bầu cử, ứng cử là quyền chính trị cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định nhằm bảo đảm cho mọi công dân có đủ điều kiện thực hiện việc lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

Thông qua bầu cử, công dân trực tiếp bỏ phiếu bầu người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình, thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước, góp phần thiết lập bộ máy nhà nước để tiến hành các hoạt động quản lý xã hội. Vì vậy, thực hiện bầu cử là trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

2. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 có ý nghĩa chính trị như thế nào?

Trả lời

- Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận. Bầu cử là phương

thức thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và thành lập cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương nói riêng. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, diễn ra ngay sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, là bước cụ thể hóa Nghị quyết gắn liền với công tác cán bộ của Đảng, liên quan đến trách nhiệm của các cấp, các ngành; là nơi để cử tri phát huy quyền làm chủ của công dân, lựa chọn bầu ra những người tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 diễn ra trong bối cảnh quốc tế và khu vực hiện đang có những thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển đất nước. Việc chọn ra những người xứng đáng để đại diện cho Nhân dân gánh vác trọng trách giữ gìn, bảo vệ và xây dựng, phát triển đất nước có ý nghĩa “then chốt” để đưa đất nước vượt qua khó khăn, thách thức và tiếp tục phát triển nhanh, bền vững.

Cùng với đại hội đảng các cấp, cuộc bầu cử là dịp quan trọng để tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Vì vậy, việc lựa chọn, bầu ra những đại biểu tiêu biểu, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới là một nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong năm 2026.

3. Đề nghị cho biết các khẩu hiệu được sử dụng trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031?

Trả lời

Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, các cơ quan, tổ chức, địa phương cần tập trung sử dụng các khẩu hiệu tuyên truyền sau đây:

1. Nhiệt liệt chào mừng Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031!
2. Ngày 15-3-2026, cử tri cả nước đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031!
3. Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là Ngày hội của toàn dân!
4. Ngày bầu cử là Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc!

5. Ngày bầu cử - Ngày hội của niềm tin, đoàn kết và khát vọng Việt Nam!
6. Bầu cử góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh!
7. Bầu cử để chọn người có tâm, có tầm, tận tụy phục vụ Nhân dân!
8. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân thông qua bầu cử dân chủ, công khai, minh bạch!
9. Tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là quyền lợi, nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân!
10. Sáng suốt lựa chọn người xứng đáng đại diện cho Nhân dân!
11. Cử tri cả nước tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031!
12. Mỗi lá phiếu là một niềm tin, một trách nhiệm đối với Tổ quốc!
13. Sáng suốt lựa chọn những người đủ đức, đủ tài vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân!
14. Cử tri cả nước đồng lòng bầu cử, chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh!
15. Toàn dân tham gia bầu cử để góp phần xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh!
16. Mỗi lá phiếu góp phần đưa đất nước phát triển hùng cường, thịnh vượng!
17. Quốc hội Việt Nam - Cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam!
18. Quốc hội là biểu tượng sức mạnh tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam!
19. Quốc hội khóa XVI – hiện thân của trí tuệ, ý chí và nguyện vọng của Nhân dân!
20. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thi đua lập thành tích chào mừng cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031!
21. Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!
22. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!
23. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

4. Vận động bầu cử là gì? Thời gian tiến hành vận động bầu cử là bao nhiêu ngày?

Trả lời

- Vận động bầu cử của người ứng cử là hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc cử tri hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nhằm thực hiện trách nhiệm đại biểu nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và trao đổi những vấn đề mà cử tri quan tâm; tạo điều kiện để cử tri tiếp xúc với người ứng cử, hiểu rõ hơn người ứng cử; trên cơ sở đó cân nhắc, lựa chọn, bầu những người đủ tiêu chuẩn làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Theo Điều 64 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã quy định về thời gian tiến hành vận động bầu cử như sau:

Thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ.

5. Pháp luật quy định việc vận động bầu cử phải bảo đảm những nguyên tắc như thế nào?

Trả lời

Theo Điều 63 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định các nguyên tắc vận động bầu cử gồm:

- Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;
- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó;
- Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử.

6. Người được công bố trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thể sử dụng các hình thức vận động bầu cử nào bảo đảm đúng theo quy định pháp luật?

Trả lời

Theo Điều 65 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thể vận động bầu cử theo các hình thức sau:

- (i) Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử theo quy định tại Điều 66 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, cụ thể như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

- Hội nghị tiếp xúc cử tri được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc căn cứ điều kiện thực tế có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Việc tiếp xúc cử tri trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến chỉ được thực hiện khi bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về hình thức, nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, điểm truy cập trực tuyến để cử tri tham dự đông đủ.

- Chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri gồm các nội dung: Tuyên bố lý do; Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri, giới thiệu và đọc tiểu sử tóm tắt của người ứng cử; Từng người ứng cử báo cáo với cử tri về chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; Cử tri nêu ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình với những người ứng cử. Người ứng cử và cử tri trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở những vấn đề cùng quan tâm; Người chủ trì hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

- Sau hội nghị tiếp xúc cử tri, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương, ý kiến của cử tri về từng người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến Hội đồng Bầu cử quốc gia và Ban Thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương mình gửi đến Ủy ban bầu cử cùng cấp và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

(ii) Thông qua phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 67 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện cụ thể như sau:

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương nơi mình ứng cử và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng Bầu cử quốc gia.

- Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

- Hội đồng Bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

7. Pháp luật quy định tổng số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI là bao nhiêu? Số lượng đơn vị bầu cử và số đại biểu Quốc hội tại một số thành phố lớn được cơ cấu như thế nào?

Trả lời

Nghị quyết số 85/NQ-HĐBCQG ngày 15/12/2025 của Hội đồng Bầu cử quốc gia về số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử của các tỉnh, thành phố đã quy định:

Tổng số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI trong cả nước là **182**.

Trong đó, số đơn vị bầu cử và số đại biểu Quốc hội tại một số thành phố lớn được ấn định như sau:

+ Thành phố Hà Nội: Số đơn vị bầu cử là mười một. Số đại biểu Quốc hội được bầu là ba mươi hai.

+ Thành phố Hồ Chí Minh: Số đơn vị bầu cử là mười ba. Số đại biểu Quốc hội được bầu là ba mươi tám.

+ Thành phố Hải Phòng: Số đơn vị bầu cử là bảy. Số đại biểu Quốc hội được bầu là mười chín.

+ Thành phố Đà Nẵng: Số đơn vị bầu cử là năm. Số đại biểu Quốc hội được bầu là mười bốn.

+ Thành phố Cần Thơ: Số đơn vị bầu cử là sáu. Số đại biểu Quốc hội được bầu là mười tám.

+ Thành phố Huế: Số đơn vị bầu cử là bốn. Số đại biểu Quốc hội được bầu là chín.

8. Một trong những tiêu chuẩn của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân là “Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”. Đề nghị cho biết việc xác định người có một quốc tịch Việt Nam dựa trên các căn cứ như thế nào? Các giấy tờ nào để chứng minh người có một quốc tịch Việt Nam?

Trả lời

Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, người được xác định có quốc tịch Việt Nam (là công dân Việt Nam) nếu có một trong những căn cứ sau đây:

- Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là công dân Việt Nam;

- Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai;

- Trẻ em sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì có quốc tịch Việt Nam, nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi thực hiện thủ tục về khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo hướng dẫn của Chính phủ. Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam;

- Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam;

- Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai;

- Người được nhập quốc tịch Việt Nam;

- Người được trở lại quốc tịch Việt Nam;

- Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai;

- Khi có sự thay đổi về quốc tịch do nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam của cha mẹ thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng với cha mẹ cũng được thay đổi theo quốc tịch của họ; khi có sự thay đổi về quốc tịch do thôi quốc tịch Việt Nam của cha mẹ thì quốc tịch của con chưa thành niên sinh sống cùng với cha mẹ cũng được thay đổi theo quốc tịch của họ, nếu cha mẹ không có yêu cầu khác (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con). Khi chỉ cha hoặc mẹ được nhập, trở lại hoặc thôi quốc tịch Việt Nam thì con chưa thành niên sinh sống cùng với người đó cũng có quốc tịch Việt Nam hoặc mất quốc tịch Việt Nam, nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ; trường hợp cha hoặc mẹ được nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam thì con chưa thành niên sinh sống cùng với người đó cũng có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ không thỏa thuận bằng văn bản về việc giữ quốc tịch nước ngoài của người con (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con).

- Trẻ em là công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì vẫn giữ quốc tịch Việt Nam (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con);

- Trẻ em là người nước ngoài được công dân Việt Nam nhận làm con nuôi thì có quốc tịch Việt Nam, kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam công nhận việc nuôi con nuôi (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con);

- Trẻ em là người nước ngoài được cha mẹ mà một người là công dân Việt Nam, còn người kia là người nước ngoài nhận làm con nuôi thì được nhập quốc tịch Việt Nam theo đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam của cha mẹ nuôi (nếu người con từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của người con);

- Người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Các giấy tờ để chứng minh người có quốc tịch Việt Nam:

+ Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ;

+ Giấy chứng minh nhân dân; thẻ Căn cước công dân; thẻ Căn cước; căn cước điện tử;

+ Hộ chiếu Việt Nam;

+ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam; Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài; Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi;

+ Các giấy tờ khác do Chính phủ quy định.

9. Người ứng cử, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm, chỉ định giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, địa phương; người làm việc trong tổ chức cơ yếu; người tham gia lực lượng vũ trang của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có một quốc tịch Việt Nam và phải thường trú tại Việt Nam. Xin hỏi, ý kiến này có chính xác hay không?

Trả lời

Ý kiến trên chính xác. Theo Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2025 thì người ứng cử, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm, chỉ định giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, địa phương; người làm việc trong tổ chức cơ yếu; người tham gia

lực lượng vũ trang của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và phải thường trú tại Việt Nam.

II. Một số quy định chung, nội dung về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

1. Đề nghị cho biết, việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo những nguyên tắc nào?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 7 Hiến pháp và Điều 1 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- *Nguyên tắc phổ thông*: Mọi công dân, không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định pháp luật (trừ những người bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc người bị kết án tù hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự).

- *Nguyên tắc bình đẳng* trong bầu cử được thể hiện như sau:

- + Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình cư trú.
- + Mỗi người chỉ được ghi tên vào danh sách những người ứng cử ở 01 đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội hoặc 01 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc 01 đơn vị hành chính ở cấp tương ứng.
- + Mỗi cử tri chỉ được bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Quốc hội và 01 phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi cấp.
- + Giá trị phiếu bầu cử của mọi cử tri như nhau mà không có sự phân biệt.

Nguyên tắc này đòi hỏi phải có sự phân bổ hợp lý cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, số lượng đại biểu được bầu ở từng địa phương, các tầng lớp xã hội; các dân tộc thiểu số và phụ nữ có tỷ lệ đại diện hợp lý trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

- *Nguyên tắc bầu cử trực tiếp*: Bầu cử trực tiếp là việc cử tri trực tiếp đi bầu cử, tự bỏ lá phiếu của mình vào hòm phiếu để lựa chọn người đủ tín nhiệm vào cơ quan quyền lực nhà nước. Cử tri không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay hoặc bầu bằng cách gửi thư. Trường hợp cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí

mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật, không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

- *Nguyên tắc bỏ phiếu kín*: Nguyên tắc này bảo đảm cho cử tri tự do lựa chọn người mình tín nhiệm mà không bị tác động bởi những điều kiện và yếu tố bên ngoài. Theo đó, cử tri bầu ai, không bầu ai đều được bảo đảm bí mật. Cử tri viết phiếu bầu trong khu vực riêng, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử; không ai được biết và can thiệp vào việc viết phiếu bầu của cử tri. Cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu.

2. Đề nghị cho biết, người ứng cử đại biểu Quốc hội phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?

Trả lời

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), người ứng cử đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), cụ thể như sau:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

- Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

3. Đề nghị cho biết, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?

Trả lời

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, cụ thể như sau:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;
- Chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;
- Có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân;
- Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

4. Đề nghị cho biết, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công tác bầu cử được quy định như thế nào?

Trả lời

Theo Điều 4 Luật Bầu cử Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong công tác bầu cử như sau:

- Quốc hội quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong thời gian giữa nhiệm kỳ; quyết định thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện việc dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu; xác định cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tổ chức giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, bảo đảm cho việc bầu cử được tiến hành dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm.

- Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm kinh phí, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức bầu cử, bảo đảm công tác thông tin, tuyên truyền, an ninh, an toàn và các điều kiện cần thiết khác phục vụ cuộc bầu cử.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tham gia giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội tại địa phương; Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tương ứng; các Ban bầu cử, Tổ bầu cử thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định.

- Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế có trách nhiệm tạo điều kiện để các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

5. Đề nghị cho biết, tổng số đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu là bao nhiêu người? Việc dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố được thực hiện như thế nào?

Trả lời

Căn cứ Điều 7 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến tổng

số đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu là 500 đại biểu và dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI bầu ở mỗi tỉnh, thành phố tại Điều 3 Nghị quyết số 1891/NQ-UBTVQH15 ngày 10/11/2025 như sau:

- Mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất 04 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;
- Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là 500 người.
- Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất là 07 đại biểu.

6. Đề nghị cho biết, dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?

Trả lời

Theo Điều 8 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), căn cứ vào dự kiến số lượng đại biểu Quốc hội được bầu, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để bảo đảm tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp nhân dân trong Quốc hội.

- Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

- Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Ban thường vụ trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

- Dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban Thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

7. Đề nghị cho biết, việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời

Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định cụ thể tại Điều 9 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) như sau:

Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị hành chính theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trong đó bảo đảm có ít nhất ba mươi lăm phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; số lượng người ứng cử là người dân tộc thiểu số được xác định phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và tình hình cụ thể của từng địa phương;

- Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là tổ dân phố), đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, trong đó bảo đảm có ít nhất (35%) ba mươi lăm phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; số lượng người ứng cử là người dân tộc thiểu số được xác định phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và tình hình cụ thể của từng địa phương;

- Dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của Thường trực Hội đồng nhân dân ở mỗi cấp được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử cùng cấp.

8. Đề nghị cho biết, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố được xác định như thế nào?

Trả lời

Theo khoản 1 Điều 30 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

- Tỉnh có từ 1.000.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 1.000.000 dân thì cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu;
- Thành phố có từ 1.200.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 1.200.000 dân thì cứ thêm 75.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu;
- Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh được bầu 125 đại biểu.

Theo quy định tại Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, dân số của từng đơn vị hành chính để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu được xác định theo số liệu thông kê dân số tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tính đến ngày 31/8/2025.

Lưu ý: Không chia bình quân và không thực hiện việc làm tròn số đối với số lượng dân số chưa đủ mốc được cộng thêm¹.

Ví dụ: Trường hợp tỉnh Sơn La có dân số là 1.412.640 dân², số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu theo số dân được tính như sau:

- Từ 1.000.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu;
- 412.640 dân được bầu thêm 05 đại biểu (cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, tương đương 350.000 dân được bầu 05 đại biểu. 62.640 dân còn lại ít hơn 70.000 dân, do vậy không được bầu thêm 01 đại biểu).

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La được bầu là: 55 đại biểu.

9. Ông H là Tổ trưởng tổ bầu cử có nói, nhiệm kỳ 2026-2031 xã tôi được bầu 16 đại biểu Hội đồng nhân dân. Đề nghị cho biết, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu ở mỗi xã, phường, đặc khu được xác định như thế nào?

Trả lời

Theo khoản 2 Điều 30 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

- Xã ở miền núi, hải đảo có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 5.000 dân đến 10.000 dân thì cứ thêm 1.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có

¹ Công văn số 89/VPĐBCQG ngày 12/11/2025 hướng dẫn cách xác định số lượng đại biểu HĐND theo dân số.

² Số liệu do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cung cấp đến ngày 31/8/2025.

trên 10.000 dân thì cứ thêm 3.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu;

- Xã không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 10.000 dân đến 20.000 dân thì cứ thêm 2.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 20.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu;

- Phường thuộc tỉnh có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 10.000 dân đến 20.000 dân thì cứ thêm 2.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 20.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu;

- Phường thuộc thành phố có từ 15.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 15.000 dân đến 45.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 45.000 dân thì cứ thêm 7.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu;

- Đặc khu có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 5.000 dân đến 10.000 dân thì cứ thêm 1.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 10.000 dân thì cứ thêm 3.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

Theo quy định tại Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, dân số của từng đơn vị hành chính để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu được xác định theo số liệu thống kê dân số tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tính đến ngày 31/8/2025.

Việc xác định xã ở miền núi, hải đảo để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân xã được bầu căn cứ vào văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm xác định xã ở miền núi; Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm xác định xã ở hải đảo và công bố trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Ví dụ: Xã A có dân số là 25.505 người, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân xã A được bầu theo số dân được tính như sau:

- Từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu.
- Từ 10.000 đến 20.000 dân có thêm 05 đại biểu (thêm 2.000 dân thì được bầu thêm 01 đại biểu).
- Từ 20.000 dân trở lên: 5.505 số dân còn lại ít hơn 6.000 dân, do vậy không được bầu thêm 01 đại biểu.

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại xã A là 20 đại biểu.

10. Đơn vị bầu cử là gì? Có bao nhiêu loại đơn vị bầu cử trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp? Việc ấn định số đơn vị bầu cử, danh sách đơn vị bầu cử được tiến hành như thế nào?

Trả lời

Các cuộc bầu cử phải được tiến hành theo các đơn vị bầu cử. Đơn vị bầu cử là khái niệm chỉ một phạm vi địa lý hành chính tương ứng với một lượng dân cư nhất định để bầu một số lượng đại biểu Quốc hội hay đại biểu Hội đồng nhân dân xác định. Theo quy định tại Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), có các loại đơn vị bầu cử như sau:

- *Đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.* Theo đó, tỉnh, thành phố được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử được tính căn cứ theo số dân, do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định theo đề nghị của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố và được công bố chậm nhất là 80 ngày trước ngày bầu cử (chậm nhất là ngày 25/12/2025). Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được bầu không quá ba đại biểu.

Ngày 15/12/2025, Hội đồng bầu cử Quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 85/NQ-HĐBCQG về đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử các tỉnh, thành phố. Theo đó, tổng số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI trong cả nước là 182 đơn vị.

- *Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:* Tỉnh, thành phố được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- *Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã:* Xã, phường, đặc khu được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử ở cấp đó ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp và được công bố chậm nhất là 80 ngày trước ngày bầu cử (chậm nhất là ngày 25/12/2025).

11. Việc xác định khu vực bỏ phiếu được thực hiện như thế nào?

Trả lời

Khu vực bỏ phiếu là phạm vi địa lý có số dân nhất định. Việc chia khu vực bỏ phiếu mang ý nghĩa kỹ thuật, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cử tri thực hiện quyền bầu cử của mình. Chính vì vậy, khu vực bỏ phiếu có phạm vi hành chính nhỏ hơn đơn vị bầu cử và được xác định theo đơn vị bầu cử.

Theo quy định tại Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân chia thành các khu vực bỏ phiếu. Khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến bốn nghìn cử tri. Ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu. Quy định này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cử tri ở địa bàn khó khăn tham gia bầu cử đầy đủ, không bị hạn chế quyền công dân.

Khoản 3 Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định một số trường hợp có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng, bao gồm:

- Đơn vị vũ trang nhân dân;
- Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ 50 cử tri trở lên;
- Cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam.

Việc thành lập khu vực bỏ phiếu riêng trong các trường hợp này nhằm bảo đảm quyền bầu cử cho những cử tri có điều kiện sinh hoạt đặc thù, hạn chế việc đi lại hoặc đang thực hiện nhiệm vụ, chấp hành các chế độ quản lý riêng theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền xác định khu vực bỏ phiếu, việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh việc xác định khu vực bỏ phiếu. Việc xác định khu vực bỏ phiếu được thực hiện trước khi thành lập Tổ bầu cử.

12. Đề nghị cho biết, các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm những tổ chức nào?

Trả lời

Theo quy định tại Chương III Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm có:

- Hội đồng bầu cử quốc gia.
- Các Ủy ban bầu cử được thành lập ở các đơn vị hành chính có tổ chức Hội đồng nhân dân gồm:
 - + Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố;

- + Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu.
- Các Ban bầu cử được thành lập ở từng đơn vị bầu cử gồm:
 - + Ban bầu cử đại biểu Quốc hội;
 - + Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
 - + Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
- Các Tổ bầu cử được thành lập ở từng khu vực bỏ phiếu.

Việc thành lập, cơ cấu, thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được thực hiện theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ.

13. Ông A là công chức xã X, được Ủy ban nhân dân xã quyết định tham gia Tổ bầu cử số 3 để phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Sau đó, ông A được cơ quan, tổ chức giới thiệu và được hiệp thương đưa vào danh sách ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại Tổ bầu cử số 3. Hỏi, Ông A có được vừa là người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, vừa là thành viên Tổ bầu cử tại đơn vị bầu cử nơi mình ứng cử không? Nếu không được thì phải xử lý như thế nào?

Trả lời

Nhằm bảo đảm tính khách quan, công bằng, minh bạch trong quá trình tổ chức và tiến hành bầu cử, Điều 27 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử. Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử đó ra quyết định xóa tên người ứng cử khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

Trong tình huống trên, ông A là người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại Tổ bầu cử số 3 nơi ông làm thành viên của Tổ bầu cử, do đó ông A không đủ điều kiện tiếp tục là thành viên Tổ bầu cử. Việc ông A đồng thời giữ hai vai trò này là không đúng quy định của pháp luật về bầu cử. Do đó, ông A phải xin rút khỏi thành viên Tổ bầu cử số 3 chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử.

Trường hợp ông A không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Tổ bầu cử số 3 có trách nhiệm ra quyết định xóa tên ông A khỏi danh sách thành viên Tổ bầu cử, đồng thời bổ sung thành viên khác để thay thế, nhằm bảo đảm Tổ bầu cử hoạt động đúng quy định và không ảnh hưởng đến tính hợp pháp của cuộc bầu cử.

14. Đề nghị cho biết, việc bầu cử bổ sung được thực hiện trong trường hợp nào?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 97 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025):

- Việc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 02 năm và thiếu trên (10%) mười phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ.

- Việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 18 tháng và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- + Hội đồng nhân dân thiếu trên một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ;

- + Đơn vị hành chính mới được thành lập trên cơ sở nhập, chia, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính hiện có có số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân không đủ hai phần ba tổng số đại biểu được bầu theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

- Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội; Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố ngày bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Ngày bầu cử bổ sung phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử.

15. Pháp luật quy định xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử như thế nào?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 95 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu

cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về xử lý hình sự, Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15) đã quy định cụ thể 02 tội liên quan đến bầu cử gồm:

- Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân (Điều 160):

“1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 02 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

- Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân (Điều 161):

“1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

Về xử lý kỷ luật, nếu người vi phạm là đảng viên thì tùy theo nội dung hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo Điều 27 Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 về kỷ luật đảng, đảng viên vi phạm pháp luật như sau:

“1. Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Được phân công nhiệm vụ tổ chức, thực hiện bầu cử nhưng thiếu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định, xem xét hồ sơ ứng cử.

b) Thực hiện không đúng, không đầy đủ nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình, thủ tục về bầu cử.

c) Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình về bầu cử theo quy định của pháp luật hoặc có hành vi làm mất an ninh trật tự nơi bầu cử.

2. Trường hợp đã bị kỷ luật theo Khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc ảnh hưởng của người có chức vụ, quyền hạn can thiệp, tác động, gây áp lực đến tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để đề cử người thân của mình vào các chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử các chức danh của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép.

c) Có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt nhân sự nhưng đưa người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

d) Không trung thực trong kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử; có hành vi gian dối trong thực hiện các quy định về bầu cử.

đ) Mua chuộc, xúi giục, cưỡng ép hoặc vận động bầu cử trái quy định.

e) Không trung thực trong việc kê khai, nhận xét, xác nhận hoặc thẩm định hồ sơ, lý lịch, tài sản, thu nhập của người ứng cử theo quy định bầu cử.

g) Không chấp hành giới thiệu của tổ chức đảng đề ứng cử, đề cử vào các chức danh của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp.

3. Trường hợp vi phạm quy định nêu trên mà gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tổ chức thực hiện việc giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu cử hoặc làm sai lệch kết quả bầu cử; đe dọa, cản trở người khác thực hiện quyền ứng cử, đề cử, bầu cử.

b) Có hành vi, việc làm phá hoại bầu cử.

c) Tổ chức lực lượng, có tính chất phe nhóm, dòng họ để vận động người tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử trái quy định vào các chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội.”

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử (như kê khai hồ sơ ứng cử không trung thực, gian dối, giả mạo thông tin, vi phạm các quy định về vận động bầu cử...) thì có thể bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử hoặc nếu đã được bầu thì cũng không được công nhận tư cách đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

16. Ông A đăng ký thường trú tại xã X nhưng đang đăng ký tạm trú và sinh sống tại phường Y. Ông A đề nghị được ghi tên vào danh sách cử tri của cả xã X và phường Y để thuận tiện tham gia bầu cử ở bất kỳ nơi nào. Đề nghị cho biết theo quy định của pháp luật, yêu cầu của ông A có được chấp thuận không?

Trả lời

Khoản 2 Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định một trong những nguyên tắc lập danh sách cử tri đó là: *“Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú”*. Quy định này nhằm bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong bầu cử, tránh việc một người tham gia bầu cử nhiều lần và góp phần bảo đảm tính chính xác, thống nhất của danh sách cử tri.

Vì vậy, căn cứ quy định nêu trên, yêu cầu của ông A không được chấp thuận. Mặc dù ông A có hộ khẩu thường trú tại xã X và đang đăng ký tạm trú, sinh sống tại phường Y nhưng ông A chỉ được lựa chọn một nơi (hoặc nơi thường trú hoặc nơi tạm trú) để được ghi tên vào một danh sách cử tri duy nhất. Ông A không được ghi tên đồng thời vào danh sách cử tri của cả xã X và phường Y.

17. Chị H là công dân Việt Nam đang làm việc tại Hàn Quốc. Tại Việt Nam, chị H đăng ký thường trú tại xã A, tỉnh B. Trong thời gian lập và niêm yết danh sách cử tri, chị H vẫn đang ở Hàn Quốc nên không có tên trong danh sách cử tri. Tuy nhiên theo lịch làm việc, chị H trở về Việt Nam vào ngày 13/3/2026 (trước ngày bầu cử 02 ngày). Đề nghị cho biết, theo quy định của pháp luật, quyền bầu cử của chị H được xác định như thế nào?

Trả lời

Do chị H không có tên trong danh sách cử tri mà danh sách này đã được niêm yết công khai, tuy nhiên đến ngày 13/3/2026 chị H trở về nước và thuộc trường hợp ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì căn cứ khoản 2 Điều

29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quyền bầu cử của chị H được xác định như sau:

Khi trở về nước, chị H đến Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh B (nơi đăng ký thường trú) xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam (còn giá trị sử dụng) thì chị H được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh B, Hội đồng nhân dân xã A.

18. Việc bảo đảm quyền bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với người di dân tự do được thực hiện như thế nào?

Trả lời

Khoản 8 Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (Thông tư số 21/2025/TT-BNV) quy định việc bảo đảm quyền bầu cử đối với người di dân tự do được thực hiện như sau:

- Trường hợp người di dân tự do là công dân Việt Nam, thực tế sinh sống trên địa bàn nhưng chưa hoàn thành thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp xã cần thông tin cho công dân biết về cách thức thực hiện quyền bầu cử và việc lập danh sách cử tri để họ quyết định nơi mình đăng ký thực hiện quyền bầu cử (có thể trở về nơi họ đang đăng ký thường trú hoặc tạm trú). Trường hợp cử tri có nguyện vọng được thực hiện việc bầu cử tại địa phương nơi họ đang thực tế sinh sống thì địa phương tạo điều kiện để ghi tên những cử tri này vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu tương ứng nơi họ đang thực tế sinh sống và thực hiện quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Trường hợp người di dân tự do thực tế sinh sống trên địa bàn nhưng không có giấy tờ, tài liệu, căn cứ chứng minh về quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

19. Đề nghị cho biết những trường hợp nào không được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031?

Trả lời

Về nguyên tắc lập danh sách cử tri, mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát Thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031 (khoản 1 Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tuy nhiên, Luật cũng quy định những trường hợp

không được ghi tên vào danh sách cử tri tại khoản 1 Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), bao gồm các trường hợp sau đây:

- (i) Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- (ii) Người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án;
- (iii) Người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo;
- (iv) Người mất năng lực hành vi dân sự.

Một số lưu ý:

- Những người bị Tòa án kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo, nếu không bị tước quyền bầu cử (trong bản án không ghi hình phạt bị tước quyền bầu cử) vẫn có quyền bầu cử và được ghi tên vào danh sách cử tri nơi mình cư trú để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Những người bị kết án phạt tù nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì không được tính là đang trong thời hạn chấp hành hình phạt tù và vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử.

- Người mất năng lực hành vi dân sự là khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần. Tuy nhiên, trên thực tế, bệnh nhân tâm thần thường không cư trú cố định ở một nơi. Mạng lưới y tế chuyên khoa hiện tại cũng chưa phát triển rộng khắp nên chưa khám và xác định được họ. Do đó, ở địa phương, nếu có trường hợp có biểu hiện bệnh lý tâm thần rõ rệt, thường xuyên không làm chủ được nhận thức và hành vi thì tuy chưa có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền, chưa được Tòa án tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự nhưng gia đình, người giám hộ có cam kết và chính quyền địa phương xác nhận thì họ cũng được coi là người mất năng lực hành vi dân sự và không được ghi tên vào danh sách cử tri.

- Đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử theo quy định của pháp luật.

20. Đề nghị cho biết thẩm quyền lập danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách cử tri?

Trả lời

Điều 31 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về thẩm quyền lập danh sách cử tri như sau:

- Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu.
- Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân. Quân nhân có hộ khẩu thường trú ở địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Khi cấp giấy chứng nhận, chỉ huy đơn vị phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân bên cạnh tên người đó cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi cư trú”.

Điều 3 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về niêm yết danh sách cử tri. Theo đó, chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử (**tức chậm nhất là ngày 03/02/2026**), cơ quan lập danh sách cử tri niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

21. Đề nghị cho biết quy định pháp luật về phát Thẻ cử tri và rà soát, cập nhật danh sách cử tri?

Trả lời

Điều 11 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định cụ thể về phát Thẻ cử tri và rà soát, cập nhật danh sách cử tri như sau:

- Trong khoảng thời gian từ trước 10 ngày đến trước 03 ngày của ngày bầu cử (**từ ngày 05 đến ngày 12/3/2026 đối với bầu cử đúng Ngày bầu cử 15/3/2026**), Tổ bầu cử phải tiến hành phát Thẻ cử tri cho các cử tri ở khu vực bỏ phiếu. Tổ bầu cử phối hợp chặt chẽ với Công an cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện việc rà soát danh sách cử tri trong quá trình phát Thẻ cử tri cho cử tri trên địa bàn, trong đó đặc biệt lưu ý các trường hợp cử tri có yêu cầu đặc biệt (như cử tri là người khuyết tật, già yếu, đang ốm đau, cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri thuộc diện cách ly, khu vực phong tỏa để phòng, chống dịch bệnh, cử tri ở khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, cử tri đang thực hiện nhiệm vụ ở trên biển, hải đảo) để có phương án, kế hoạch cho các cử tri này thực hiện quyền bầu cử.

- Trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử tiến hành việc xác nhận lại nguyện vọng của cử tri, nhất là cử tri là người tạm trú trên địa bàn về việc sẽ bỏ phiếu bầu cử ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri hay bỏ phiếu ở nơi khác. Trường hợp cử tri xác

nhận sẽ bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì Tổ bầu cử phát Thẻ cử tri để cử tri thực hiện quyền bầu cử.

Trường hợp cử tri đề nghị được bỏ phiếu ở nơi khác thì Tổ bầu cử hướng dẫn cử tri thực hiện thủ tục về việc bỏ phiếu ở nơi khác theo quy định. Những cử tri đã đi bỏ phiếu ở nơi khác thì không được tính vào tổng số cử tri trong danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu.

- Trường hợp đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu mà Tổ bầu cử vẫn không thể liên hệ được với cử tri để phát Thẻ cử tri do cử tri có tên trong danh sách không có mặt tại nơi đã đăng ký thường trú (hoặc tạm trú) hoặc không thể liên lạc được bằng các phương tiện liên lạc khác thì Tổ bầu cử thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét việc xóa tên người đó trong danh sách cử tri.

- Trường hợp đến ngày bầu cử mà Thẻ cử tri bị rách, hỏng hoặc bị mất thì cử tri phải kịp thời báo cáo với Tổ bầu cử. Tổ bầu cử phải thu hồi Thẻ cử tri bị rách, hỏng; đối với trường hợp cử tri bị mất Thẻ cử tri thì Tổ bầu cử phải yêu cầu cử tri viết giấy xác nhận đã mất Thẻ cử tri (kèm theo xuất trình căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác) và đề nghị được cấp Thẻ cử tri mới.

Tổ bầu cử có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã để cấp lại Thẻ cử tri cho cử tri do Thẻ cử tri bị rách, hỏng hoặc bị mất. Riêng đối với trường hợp cấp lại Thẻ cử tri do bị mất thì Tổ bầu cử ghi chú tại danh sách cử tri về việc cấp lại Thẻ cử tri do bị mất để theo dõi khi thực hiện bỏ phiếu trong ngày bầu cử, tránh trường hợp người khác nhặt được Thẻ cử tri bị mất để thực hiện việc bỏ phiếu làm ảnh hưởng đến kết quả bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu.

22. Ông Y có hộ khẩu thường trú tại xã A, tỉnh G. Khi địa phương lập và niêm yết danh sách cử tri, ông Y đã được ghi tên vào danh sách cử tri tại xã A. Do dự kiến đi công tác tại tỉnh K vào đúng ngày bầu cử nên ông Y đã đến Ủy ban nhân dân xã A xin cấp Giấy chứng nhận để bỏ phiếu ở tỉnh K. Tuy nhiên vì lý do khách quan, chuyến công tác bị huỷ nên ông Y lại có nguyện vọng được tham gia bầu cử tại nơi thường trú (xã A). Trong trường hợp này, việc lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri được thực hiện như thế nào?

Trả lời

Trường hợp của ông Y sẽ áp dụng khoản 3 Điều 12 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định đối với trường hợp cử tri đã được lập danh sách cử tri tại nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú), nhưng đã được cấp Giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi khác, sau đó cử tri lại có nguyện vọng được tham gia bỏ phiếu tại nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) thì việc lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri được thực hiện như sau:

- Trường hợp cử tri đã xuất trình Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác và đã được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi khác, nhưng sau đó lại trở về địa

phương nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) và có nguyện vọng thực hiện quyền bầu cử tại nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) thì cử tri phải thông báo và xin Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri mới đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác. Đồng thời, cử tri cần đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình thường trú (hoặc nơi tạm trú) để đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri để thực hiện quyền bầu cử theo quy định ở khu vực bỏ phiếu nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú);

- Trường hợp cử tri chưa xuất trình Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác và chưa được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi khác, nếu sau đó cử tri này trở về địa phương nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) và có nguyện vọng thực hiện quyền bầu cử tại đây thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình thường trú (hoặc nơi tạm trú) gửi lại Giấy chứng nhận đã được cấp và đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri để thực hiện quyền bầu cử theo quy định ở khu vực bỏ phiếu nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú).

Như vậy, ông Y cần căn cứ quy định nêu trên để bảo đảm thực hiện quyền bầu cử theo nguyện vọng của mình.

23. Đề nghị cho biết những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (không được bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã)?

Trả lời

Căn cứ Điều 29 và Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về nguyên tắc lập danh sách cử tri và những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri, các trường hợp sau đây chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (không được bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã):

- Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã chưa đủ 12 tháng chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi tạm trú.

- Cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi đóng quân.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ đã đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú làm thủ tục xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam; được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi đăng ký tạm trú.

- Những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (**Lưu ý:** Đối với cử tri là người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì trường hợp đến ngày bầu cử họ vẫn đang thực hiện việc cai nghiện, chữa trị ở cơ sở cai nghiện, nếu thời gian từ khi bắt đầu cai nghiện, chữa trị tại cơ sở đến ngày bầu cử chưa đủ 12 tháng thì những cử tri này được tham gia bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở cai nghiện).

24. Đề nghị cho biết những trường hợp nào cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã?

Trả lời

Căn cứ Điều 29 và Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về nguyên tắc lập danh sách cử tri và những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri, cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã trong các trường hợp sau đây:

- Cử tri là người thường trú tại đơn vị hành chính cấp xã.
- Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã từ đủ 12 tháng trở lên.
- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ đã đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú làm thủ tục xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam; đã được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi thường trú.
- Người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc và đã làm thủ tục để được xóa tên trong danh sách cử tri nơi có tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc và được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú (**Lưu ý:** Đối với cử tri là người tự nguyện xin vào cai nghiện,

chữa trị tại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì nếu đến trước ngày bầu cử, những cử tri này trở về nơi thường trú thì được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi thường trú để bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã. Trường hợp đến ngày bầu cử họ vẫn đang thực hiện việc cai nghiện, chữa trị ở cơ sở cai nghiện, nếu thời gian từ khi bắt đầu cai nghiện, chữa trị tại cơ sở đến ngày bầu cử là từ đủ 12 tháng trở lên thì họ được tham gia bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở cai nghiện).

25. Đề nghị cho biết hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 bao gồm những gì?

Trả lời

Căn cứ khoản 2 Điều 35 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 3 Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG) quy định về hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân bao gồm:

(i) Đơn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI; đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031.

(ii) Sơ yếu lý lịch đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội; đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, có đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử thường trú;

(iii) Tiểu sử tóm tắt đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội và đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

(iv) Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

(v) Mỗi bộ Hồ sơ ứng cử của người ứng cử có 02 ảnh chân dung màu, nền trắng cỡ 4cm x 6cm (không kể ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt). Ảnh của người ứng cử là ảnh được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ. Trong Sơ yếu lý lịch, Tiểu sử tóm tắt, ảnh của người ứng cử phải được dán đúng vị trí quy định và được đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú.

Người ứng cử thực hiện việc kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung theo hướng dẫn đối với các mẫu văn bản sử dụng trong hồ sơ ứng cử theo quy định. Việc kê khai có thể thực hiện bằng cách viết tay hoặc đánh máy nhưng phải bảo đảm

đúng theo các mẫu văn bản trong hồ sơ ứng cử do Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành. Người ứng cử ký vào từng trang văn bản của hồ sơ ứng cử.

26. Đề nghị cho biết thời hạn chậm nhất để công dân nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 là khi nào?

Trả lời

Căn cứ khoản 1 Điều 35 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG quy định công dân ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định phải nộp hồ sơ ứng cử chậm nhất là **42 ngày trước** ngày bầu cử. Theo đó, thời gian nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được thực hiện trong giờ hành chính các ngày trong tuần, bắt đầu từ ngày 15/12/2025 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 01/02/2026. Riêng thứ Bảy, ngày 31/01/2026 và Chủ nhật, ngày 01/02/2026, Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử các cấp cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

27. Việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện như thế nào?

Trả lời

Căn cứ Điều 36 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 3 Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG quy định việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện như sau:

Đối với ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI:

- Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI nộp hai bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia (qua Tiểu ban nhân sự, Hội đồng bầu cử quốc gia, địa chỉ: Nhà Quốc hội, số 01 đường Độc Lập, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội);

- Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI nộp hai bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố;

- Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người ứng cử, nếu thấy hợp lệ theo quy định thì Hội đồng bầu cử quốc gia chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu

ứng cử đến Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ủy ban bầu cử ở tỉnh chuyển hồ sơ ứng cử của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia; chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử tại địa phương đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để đưa vào danh sách hiệp thương.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội trước khi nộp hồ sơ ứng cử cần khai đơn ứng cử và tiểu sử tóm tắt trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thông báo công khai địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

Đối với ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031:

- Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì nộp 01 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính cấp đó;

- Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nộp một bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính mà mình ứng cử. Người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.

- Sau khi nhận và xem xét hồ sơ của những người tự ứng cử, người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, nếu thấy hợp lệ theo quy định của Luật này thì Ủy ban bầu cử chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người ứng cử đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để đưa vào danh sách hiệp thương.

- Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi nộp hồ sơ ứng cử cần khai đơn ứng cử và tiểu sử tóm tắt trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thông báo công khai địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

28. Đề nghị cho biết một người có thể đồng thời ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp không?

Trả lời

Khoản 3 Điều 36 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “*Công dân được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân tối đa ở hai cấp trong cùng một nhiệm kỳ;*

nếu nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân ở một cấp”.

Như vậy, một người có thể ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở một cấp (cấp tỉnh hoặc cấp xã).

29. Đề nghị cho biết những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 – 2031?

Trả lời

Căn cứ Điều 2 và Điều 37 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), những trường hợp sau đây không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân:

- Người chưa đủ 21 tuổi tính đến ngày 15/3/2026.
- Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
- Người đang bị khởi tố bị can.
- Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.
- Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.
- Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, đặc khu.

30. Đề nghị cho biết những trường hợp bị xóa tên người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân?

Trả lời

Điều 60 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định các trường hợp bị xóa tên người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân như sau:

Các trường hợp bị xóa tên người ứng cử đại biểu Quốc hội: Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Hội đồng bầu cử quốc gia công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Hội đồng bầu cử quốc gia xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Các trường hợp bị xóa tên người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân: Người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được Ủy ban bầu cử công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị

can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Ủy ban bầu cử, sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định xóa tên người đó trong danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

31. Đề nghị cho biết pháp luật quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử như thế nào?

Trả lời

Điều 62 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử như sau:

- Hội đồng Bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử trong phạm vi cả nước; Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo về vận động bầu cử ở địa phương.

- Các cơ quan báo chí ở trung ương có trách nhiệm đưa tin về quá trình tổ chức công tác bầu cử, tình hình vận động bầu cử trong phạm vi cả nước. Các cơ quan thông tin đại chúng của địa phương có trách nhiệm đưa tin về hội nghị tiếp xúc cử tri, trả lời phỏng vấn của những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và việc vận động bầu cử ở địa phương.

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và chính quyền địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tạo điều kiện cho người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc với cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình.

- Kinh phí tuyên truyền, vận động bầu cử được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước.

32. Tại tỉnh X, trong thời gian chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, do trong xã có nhiều cử tri đi làm ăn xa, việc tập trung đông người gặp khó khăn. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh X phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Xin hỏi việc tiếp xúc cử tri bằng hình thức trực tuyến của tỉnh X có đúng quy định không?

Trả lời

Theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về hội nghị tiếp xúc cử tri thì việc tỉnh X tổ chức tiếp xúc cử tri bằng hình thức trực tuyến là hoàn toàn đúng quy định về bầu cử. Cụ thể khoản 1 Điều 66 quy định như sau:

Hội nghị tiếp xúc cử tri được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc căn cứ điều kiện thực tế có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Việc tiếp xúc cử tri trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến chỉ được thực hiện khi bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về hình thức, nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, điểm truy cập trực tuyến để cử tri tham dự đông đủ.

Như vậy, việc tiếp xúc cử tri bằng hình thức trực tuyến của tỉnh X là đúng quy định pháp luật nếu tỉnh X đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

33. Đề nghị cho biết nội dung chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri khi bầu cử?

Trả lời

Theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), thì Chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri gồm các nội dung sau đây:

- + Tuyên bố lý do;
- + Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri chủ trì cuộc tiếp xúc cử tri, giới thiệu và đọc tiểu sử tóm tắt của người ứng cử;

+ Từng người ứng cử báo cáo với cử tri về chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

+ Cử tri nêu ý kiến, đề đạt nguyện vọng của mình với những người ứng cử. Người ứng cử và cử tri trao đổi dân chủ, thẳng thắn và cởi mở những vấn đề cùng quan tâm;

+ Người chủ trì hội nghị phát biểu ý kiến kết thúc hội nghị.

Sau hội nghị tiếp xúc cử tri, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương, ý kiến của cử tri về từng người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến Hội đồng Bầu cử quốc gia và Ban Thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương mình gửi đến Ủy ban bầu cử cùng cấp và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

34. Bà B là người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Y. Báo tỉnh và Đài phát thanh – truyền hình tỉnh tổ chức chuyên mục “Ứng cử viên với cử tri” và mời bà B tham gia. Khi trả lời phỏng vấn, bà B trình bày chương trình hành động của mình tập trung vào các vấn đề phát triển kinh tế địa phương, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế cơ sở nếu được bầu làm đại biểu HĐND. Nội dung phỏng vấn được đăng tải trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử xã, tỉnh. Hoạt động này của bà B có phải là vận động bầu cử không?

Trả lời

Hoạt động này của bà B là hoạt động vận động bầu cử, phù hợp với khoản 2 Điều 67 nhằm bảo đảm quyền vận động bầu cử của người ứng cử. Cụ thể, Điều 67 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về việc vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng như sau:

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương nơi mình ứng cử và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng Bầu cử quốc gia.

- Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

- Hội đồng Bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

35. Bà Y là Phó Chủ tịch UBND xã, là người ứng cử đại biểu HĐND. Trong thời gian vận động bầu cử, bà Y chỉ đạo cán bộ xã sử dụng loa truyền thanh xã để phát nội dung giới thiệu về quá trình công tác, thành tích của cá nhân bà Y vào giờ cao điểm. Đề nghị cho biết, việc này của bà Y có đúng quy định pháp luật không?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 68 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử, bao gồm các hành vi:

- Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử.

- Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình.

- Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

Căn cứ quy định trên thì bà Y đã có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn và phương tiện thông tin đại chúng để phục vụ vận động bầu cử cá nhân, là hành vi bị cấm trong vận động bầu cử, vi phạm khoản 2 Điều 68 Luật Bầu cử đại biểu Quốc

hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử.

36. Cụ C tuổi cao, mắt kém, không thể tự viết phiếu bầu cử. Cụ đề nghị cháu ruột viết hộ phiếu bầu theo đúng ý kiến của mình và dặn không nói cho ai biết. Sau đó, cụ C tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu. Hỏi, việc cụ C nhờ cháu viết hộ phiếu bầu có đúng quy định không? Những nguyên tắc nào cần lưu ý khi bỏ phiếu bầu cử?

Trả lời

Theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về nguyên tắc bỏ phiếu thì trường hợp cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu. Căn cứ quy định nêu trên thì việc cụ C nhờ cháu viết hộ là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài nguyên tắc nêu trên, những nguyên tắc khác cần lưu ý khi bầu cử gồm:

- Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp thuộc đối tượng được Tổ bầu cử mang hộp phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị để thực hiện việc bầu cử; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

- Trong trường hợp cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật không thể đến phòng bỏ phiếu được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở, chỗ điều trị của cử tri để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri là người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc để cử tri nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.

- Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri.

- Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

37. Khu vực bỏ phiếu số 02 thuộc xã P là địa bàn ven biển, nhiều cử tri làm nghề đánh bắt thủy sản thường ra khơi từ rất sớm và trở về muộn. Nếu tổ chức bỏ phiếu theo khung giờ thông thường từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối, nhiều cử tri khó có điều kiện tham gia bầu cử đầy đủ. Vì vậy, Tổ bầu cử xã P đã họp và thống nhất quyết định thời gian bỏ phiếu từ 5 giờ 30 phút sáng và kết thúc việc bỏ phiếu lúc 8 giờ 30 phút tối. Quyết định này được thông báo công khai trước ngày bầu cử để cử tri biết và chủ động sắp xếp thời gian đi bầu. Việc làm này của Tổ bầu cử xã P có đúng quy định không?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 70, 71 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì tổ bầu cử có trách nhiệm thông báo về thời gian bầu cử, nơi bỏ phiếu và thời gian bỏ phiếu cụ thể như sau:

- Thông báo về thời gian bầu cử, nơi bỏ phiếu: Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải thường xuyên tuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.

- Thời gian bỏ phiếu

+ Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối cùng ngày.

+ Trước khi bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

+ Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Trường hợp đặc biệt cần hoãn ngày bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định thì Ủy ban bầu cử trình Hội đồng Bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

Căn cứ quy định nêu trên việc Tổ bầu cử xã P thông báo thời gian bỏ phiếu sớm từ 5h30 và kết thúc lúc 8h30 tối là đúng quy định của pháp luật.

38. Trong quá trình kiểm phiếu, Tổ bầu cử khu vực số 09 chỉ có các thành viên Tổ bầu cử tham gia, không mời 02 cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu vì lúc đó đã muộn, người dân ở xa nên đã về hết. Lý do này có chính đáng không?

Trả lời

Điều 73 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về việc kiểm phiếu như sau:

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và phải mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu.

Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu. Các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu.

Như vậy, lý do tổ bầu cử khu vực số 09 không mời 02 cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu vì lúc đó đã muộn, người dân ở xa nên đã về hết là không chính đáng và không đúng quy định pháp luật.

39. Khi tiến hành kiểm phiếu, Tổ bầu cử phát hiện một phiếu bầu đúng mẫu, nội dung hợp lệ nhưng không có dấu của Tổ bầu cử. Đề nghị cho biết, phiếu bầu đó có hợp lệ không?

Trả lời

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì phiếu bầu không có dấu của Tổ bầu cử là phiếu bầu không hợp lệ.

Cụ thể, Điều 74 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ như sau:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;

- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Trường hợp có phiếu bầu được cho là không hợp lệ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ xem xét, quyết định. Tổ bầu cử không được gạch xóa hoặc sửa các tên ghi trên phiếu bầu.

40. Trong quá trình kiểm phiếu, cử tri H được mời chứng kiến đã phát hiện một thành viên Tổ bầu cử cho rằng các phiếu bầu gạch tên nhiều ứng cử viên, chỉ để lại tên một người thì thuộc “phiếu bầu không hợp lệ”. Cho rằng việc này có dấu hiệu xác định sai tính hợp lệ của phiếu bầu, anh H đã khiếu nại trực tiếp tại chỗ và yêu cầu Tổ bầu cử xem xét lại. Tổ bầu cử tiến hành trao đổi, đối chiếu quy định pháp luật nhưng giữa các thành viên Tổ bầu cử có ý kiến khác nhau. Vì vậy, Tổ bầu cử đã lập biên bản khiếu nại, ghi rõ nội dung khiếu nại của cử tri, ghi đầy đủ ý kiến và quan điểm của từng thành viên Tổ bầu cử và chuyển toàn bộ hồ sơ lên Ban bầu cử để xem xét, giải quyết. Việc kiểm phiếu tiếp tục được tiến hành nhưng kết quả đối với các phiếu đang có khiếu nại được tạm ghi chú chờ quyết định của Ban bầu cử. Anh H hỏi Tổ bầu cử làm vậy có đúng không?

Trả lời

Căn cứ quy định tại Điều 75 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về khiếu nại, tố cáo về kiểm phiếu thì các bước xử lý khiếu nại của tổ bầu cử nơi anh H là cử tri chứng kiến là đúng quy định của pháp luật. Cụ thể, Điều 75 quy định: Những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc kiểm phiếu do Tổ bầu cử nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản. Trong trường hợp Tổ bầu cử không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử.

41. Đề nghị cho biết việc bầu cử thêm được thực hiện trong trường hợp nào?

Trả lời

Điều 79 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về các trường hợp bầu cử thêm như sau:

- Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử đại biểu Quốc hội chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử ở tỉnh để đề nghị Hội đồng Bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

- Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chưa đủ hai phần ba số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản xác định kết quả bầu cử và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó để quyết định ngày bầu cử thêm ở đơn vị bầu cử đó.

- Trong trường hợp bầu cử thêm thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử thêm, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên nhưng không trúng cử. Người trúng cử là người được quá một nửa tổng số phiếu bầu hợp lệ và có số phiếu bầu cao hơn. Nếu bầu cử thêm mà vẫn chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử thì không tổ chức bầu cử thêm lần thứ hai.

42. Tại đơn vị bầu cử số 7, tổng số cử tri trong danh sách là 6.000 người. Kết thúc ngày bầu cử, Tổ bầu cử thống kê chỉ có 2.700 cử tri đi bỏ phiếu, chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri theo quy định của pháp luật. Tổ bầu cử đã lập biên bản ghi rõ số cử tri tham gia bỏ phiếu không đạt quá một nửa và báo cáo cho Ban bầu cử. Sau khi xem xét báo cáo, Ban bầu cử tiếp tục lập biên bản và báo cáo Ủy ban bầu cử cấp xã. Ủy ban bầu cử cấp xã đã báo cáo và được Hội đồng Bầu cử cấp tỉnh đồng ý, từ đó quyết định tổ chức bầu cử lại tại đơn vị bầu cử số 7. Ủy ban bầu cử quyết định, ngày bầu cử lại được tổ chức sau 05 ngày kể từ ngày bầu cử đầu tiên. Danh sách người ứng cử giữ nguyên. Giả sử trong cuộc bầu cử lại, có 2.900 cử tri đi bỏ phiếu, vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách. Đề nghị cho biết, trường hợp này có phải bầu lại một lần nữa không?

Trả lời

Điều 80 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về các trường hợp bầu cử lại, theo đó:

- Trường hợp đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri thì Ban bầu cử phải ghi rõ vào biên bản và báo cáo ngay cho Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu ở cấp đó.

- Đối với bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh đề nghị Hội đồng Bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử lại ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri.

- Đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định ngày bầu cử lại ở đơn vị bầu cử có số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri ghi trong danh sách cử tri sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của Hội đồng Bầu cử quốc gia.

- Trong trường hợp bầu cử lại thì ngày bầu cử được tiến hành chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu cử lại, cử tri chỉ chọn bầu trong danh sách những người ứng cử tại cuộc bầu cử đầu tiên. Nếu bầu cử lại mà số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri thì kết quả bầu cử lại được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

Căn cứ quy định nêu trên, việc tiến hành tổ chức bầu cử lại khi số cử tri đi bầu cử vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri là đúng quy định pháp luật, khi tổ chức bầu lại mà số cử tri đi bỏ phiếu vẫn chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri trong danh sách thì kết quả bầu cử vẫn được công nhận mà không tổ chức bầu cử lại lần thứ hai.

43. Đề nghị cho biết thời gian công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử tính từ ngày bầu cử?

Trả lời

Điều 86 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định việc công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử như sau:

- Hội đồng Bầu cử quốc gia căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội chậm nhất là 10 ngày sau ngày bầu cử.

- Ủy ban bầu cử căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình chậm nhất là 10 ngày sau ngày bầu cử.

44. Ủy ban bầu cử xã Y công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân vào ngày 25/3. Đến ngày 30/3, ông P cho rằng kết quả bầu cử không phản ánh đúng ý chí của cử tri nên gửi đơn khiếu nại về kết quả bầu cử. Do đơn khiếu nại được nộp sau thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả, Ủy ban bầu cử xã Y không thụ lý giải quyết và có văn bản trả lời ông P theo quy định. Ông P hỏi việc làm của Ủy ban bầu cử xã Y có đúng pháp luật không?

Trả lời

Điều 87 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định về giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử như sau:

- Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng Bầu cử quốc gia chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội.

Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ủy ban bầu cử chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hội đồng Bầu cử quốc gia có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Ủy ban bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

- Quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng Bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Căn cứ quy định nêu trên, việc Ủy ban bầu cử xã Y không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông P vì nộp đơn khiếu nại quá 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và có văn bản trả lời ông P là đúng quy định pháp luật.

III. Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

1. Loa truyền thanh thông báo xã tôi được chia thành 03 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Đề nghị cho biết, căn cứ để phân chia đơn vị bầu cử?

Trả lời

Để bảo đảm việc tổ chức bầu cử diễn ra thuận lợi (không tập trung quá đông người dẫn đến khó khăn cho cử tri cũng như Tổ bầu cử), Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định “xã, phường, đặc khu được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã”. Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử cấp xã ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã và được công bố chậm nhất 80 ngày trước ngày bầu cử (Khoản 3 Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)).

Việc phân chia đơn vị bầu cử được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031: như sau:

Thứ nhất, về nguyên tắc và căn cứ pháp lý chung, việc phân chia đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải tuân thủ quy định tại Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Thứ hai, về phạm vi hình thành đơn vị bầu cử, mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được hình thành từ một hoặc một số thôn, tổ dân phố hợp thành. Trường hợp thôn, tổ dân phố có số dân quá đông thì có thể chia thôn, tổ dân phố đó thành nhiều đơn vị bầu cử, nếu xét thấy thực sự cần thiết, nhằm bảo đảm phù hợp với quy mô dân số và thuận lợi cho việc tổ chức bầu cử.

Thứ ba, về thẩm quyền và căn cứ dự kiến phân chia đơn vị bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào số dân và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu, để dự kiến số lượng đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị, trình Ủy ban bầu cử cùng cấp xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Thứ tư, về số liệu dân số làm căn cứ phân chia đơn vị bầu cử, dân số của từng đơn vị hành chính cấp xã, từng thôn, tổ dân phố được xác định theo số liệu thống kê tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2025, do cơ quan Công an cùng cấp cung cấp. Đây là căn cứ thống nhất, chính thức để xác định số lượng đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu.

Thứ năm, đối với các địa bàn có đặc điểm dân cư đặc thù như khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu vực đô thị đông dân hoặc các xã miền núi có dân cư thưa thớt,

việc phân chia đơn vị bầu cử phải bảo đảm sự cân đối hợp lý về số lượng cử tri giữa các đơn vị bầu cử, tránh chênh lệch quá lớn, đồng thời bảo đảm hợp lý trong phân bổ số lượng đại biểu được bầu, tạo thuận lợi cho cử tri thực hiện quyền bầu cử và cho các tổ chức phụ trách bầu cử trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Như vậy, việc phân chia đơn vị bầu cử tại xã X cần được thực hiện trên cơ sở số liệu dân cư chính thức, tuân thủ đúng thẩm quyền, nguyên tắc và yêu cầu cân đối, hợp lý theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền bầu cử của cử tri và điều kiện tổ chức cuộc bầu cử dân chủ, đúng pháp luật.

2. Đề nghị cho biết, việc phân chia khu vực bỏ phiếu của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được quy định như thế nào?

Trả lời

Điều 4 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, việc phân chia khu vực bỏ phiếu thực hiện theo Điều 11 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), cụ thể:

- Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng cử tri, đặc điểm địa hình và sự phân bố dân cư trên địa bàn để xác định khu vực bỏ phiếu cho phù hợp; mỗi khu vực bỏ phiếu gồm một hoặc một số thôn, tổ dân phố hợp thành. Trường hợp thôn, tổ dân phố có số lượng cử tri quá đông, địa bàn rộng, bị chia cắt hoặc dân cư phân bố không tập trung thì có thể chia thành nhiều khu vực bỏ phiếu, bảo đảm thuận lợi cho cử tri và cho công tác chỉ đạo, tổ chức bầu cử.

- Sau khi đã thành lập khu vực bỏ phiếu và lập danh sách cử tri, nếu phát sinh dịch bệnh nguy hiểm, thiên tai, hỏa hoạn, phong tỏa hoặc phải thực hiện cách ly tập trung làm số lượng cử tri lớn hoặc có nguy cơ lây nhiễm cao, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi báo cáo và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý có thể quyết định thành lập bổ sung khu vực bỏ phiếu riêng tại các địa điểm này.

- Trường hợp khu vực bỏ phiếu có số lượng cử tri giảm nhiều so với thời điểm lập danh sách đến mức thấp hơn số lượng tối thiểu theo quy định, căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể quyết định tiếp tục duy trì khu vực bỏ phiếu hoặc giải thể để ghép với khu vực bỏ phiếu liền kề trong cùng đơn vị bầu cử; việc giải thể phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phải thông báo kịp thời, rộng rãi cho cử tri biết để thực hiện quyền bầu cử theo quy định.

- Trường hợp cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt công tác bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, quyết định điều chỉnh khu vực bỏ phiếu đã được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho cử tri trong việc tham gia bầu cử, bảo đảm công bằng, hợp lý, không làm thay đổi quyền bầu cử của cử tri và tuân thủ quy định của Luật Bầu cử

đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Quyết định điều chỉnh khu vực bỏ phiếu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức công bố, niêm yết và thông báo rộng rãi đến cử tri việc điều chỉnh khu vực bỏ phiếu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Hiện nay, Nhà nước đang đẩy mạnh chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực, đề nghị cho biết, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được thực hiện như thế nào?

Trả lời

Điều 5 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban bầu cử cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác bầu cử. Việc ứng dụng phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, năng lực thực hiện của các tổ chức, cá nhân tham gia công tác bầu cử và đồng thời bảo đảm yêu cầu bảo mật thông tin, dữ liệu và kết quả bầu cử theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật về bầu cử.

Các nội dung nghiệp vụ cần được tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số bao gồm: công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử; cập nhật, báo cáo tình hình, tiến độ bầu cử; lập, niêm yết danh sách cử tri, in thẻ cử tri và cập nhật tiến độ cử tri tham gia bỏ phiếu; hỗ trợ việc tổ chức kiểm phiếu và tổng hợp kết quả kiểm phiếu, bảo đảm chính xác và an toàn thông tin; cùng với các nội dung nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật về bầu cử.

Trước khi triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác bầu cử, địa phương phải xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể, bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu bầu cử; thực hiện vận hành thử nghiệm, kiểm tra hệ thống công nghệ thông tin trước khi áp dụng chính thức. Trường hợp việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số liên quan đến cách thức, trình tự bỏ phiếu trong ngày bầu cử, việc cập nhật kết quả bầu cử, kiểm phiếu và tổng hợp kết quả kiểm phiếu thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh phải báo cáo, xin ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia trước khi thực hiện.

4. Đề nghị cho biết nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được quy định như thế nào? Phiếu bầu như thế nào là phiếu bầu không hợp lệ?

Trả lời

Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 21/2025/TT-BNV, để thuận tiện cho cử tri trong quá trình bỏ phiếu, căn cứ quy định của pháp luật về bầu cử (bao gồm các nội dung hướng dẫn về thể lệ bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia tại kỳ bầu cử trước đây) và tình hình cụ thể tại địa phương, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chủ động biên soạn thể lệ bầu cử để gửi các Tổ bầu cử niêm yết tại phòng bỏ phiếu. Thể lệ bầu cử cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ và được niêm yết ở khu vực thuận tiện cho cử tri để tiếp cận. Thể lệ bầu cử có thể gồm một số nội dung cơ bản như sau:

**** Nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu:***

- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ 07 giờ sáng đến 07 giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày;

- Khi bầu cử, cử tri phải xuất trình Thẻ cử tri;

- Mỗi cử tri có quyền bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân mà mình được tham gia bầu cử;

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay. Trường hợp cử tri không thể tự viết phiếu bầu thì nhờ người khác viết phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Người khuyết tật không thể tự mình bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu;

- Cử tri không bầu cho ai trong phiếu bầu thì gạch giữa cả dòng chữ họ và tên của người mà mình không bầu (gạch đè lên dòng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử hoặc gạch xóa hết tên những người ứng cử trong phiếu bầu;

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác;

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước, phía trên, góc trái của Thẻ cử tri. Thẻ cử tri chỉ có giá trị cho 01 lần bỏ phiếu.

**** Phiếu bầu không hợp lệ:***

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;

- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;

- Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

5. Anh A có hộ khẩu thường trú tại xã X nhưng đi làm lâu ngày tại địa phương khác và đã khai báo tạm vắng. Khi xã X lập danh sách cử tri, anh A không có tên trong danh sách. Trước ngày bầu cử 02 ngày, anh A trở về xã X và mong muốn được đi bầu đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Đề nghị cho biết, anh A có được thực hiện quyền bầu cử ở xã X không?

Trả lời

Theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV thì: Anh A đã khai báo tạm vắng nên Ủy ban nhân dân xã X không ghi tên anh A vào danh sách cử tri khi lập danh sách ban đầu là đúng quy định.

Trường hợp anh A trở về xã X trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì anh A đến Ủy ban nhân dân xã X - nơi đăng ký thường trú để đề nghị bổ sung tên vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã như đối với các cử tri khác đã đăng ký bỏ phiếu ở nơi thường trú.

6. Chị B có hộ khẩu thường trú tại xã Y nhưng đã đi lao động ở nước ngoài nhiều năm, chưa làm thủ tục thay đổi thông tin cư trú và cũng không khai báo tạm vắng. Hỏi: theo quy định của pháp luật, khi lập danh sách cử tri, Ủy ban nhân dân xã Y có phải ghi tên chị B vào danh sách hay không?

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV thì: Do chị B vẫn đăng ký thường trú tại xã Y, chưa làm thủ tục thay đổi thông tin nơi cư trú và không khai báo tạm vắng nên Ủy ban nhân dân xã Y vẫn ghi tên chị B vào danh sách cử tri để bảo đảm quyền bầu cử của công dân.

Tuy nhiên, nếu chị B hoặc người thân của chị B (bố, mẹ, con, anh chị em ruột) có thông báo nguyện vọng không tham gia bỏ phiếu tại nơi thường trú thì Ủy ban nhân dân xã Y không ghi tên chị B vào danh sách cử tri. Việc thông báo có thể thực hiện bằng văn bản hoặc qua điện thoại đến trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc cán bộ phụ trách lập danh sách cử tri của Ủy ban nhân dân xã Y. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã Y có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền phù hợp để cử tri biết và thực hiện quyền bầu cử của mình theo quy định.

7. Anh H - công dân Việt Nam, là người di dân tự do, đang sinh sống tại xã X nhưng chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú. Đến thời điểm lập danh

sách cử tri, anh H đề nghị được tham gia bầu cử tại xã X - địa phương nơi đang sinh sống. Đề nghị cho biết, theo quy định của pháp luật thì Ủy ban nhân dân xã X cần xử lý như thế nào để bảo đảm quyền bầu cử của anh H?

Trả lời

Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 10 Thông tư số 21/2025/TT-BNV thì: anh H là công dân Việt Nam và đang thực tế sinh sống trên địa bàn xã X nhưng chưa hoàn thành thủ tục đăng ký thường trú, tạm trú thì Ủy ban nhân dân xã X có trách nhiệm thông tin, hướng dẫn để anh H biết về cách thức thực hiện quyền bầu cử và việc lập danh sách cử tri, giúp anh H lựa chọn nơi đăng ký thực hiện quyền bầu cử (có thể trở về nơi anh H đang đăng ký thường trú hoặc tạm trú).

Trường hợp anh H có nguyện vọng thực hiện quyền bầu cử tại địa phương nơi đang sinh sống thực tế thì Ủy ban nhân dân xã X tạo điều kiện ghi tên anh H vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu tương ứng để anh H thực hiện quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

Ngoài ra, đối với những người di dân tự do đang sinh sống trên địa bàn nhưng không có giấy tờ, tài liệu hoặc căn cứ chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam thì Ủy ban nhân dân xã X không được ghi tên những người này vào danh sách cử tri.

8. Đề nghị cho biết thời điểm phát Thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được quy định như thế nào?

Trả lời

Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định: Trong khoảng thời gian từ trước 10 ngày đến trước 03 ngày của ngày bầu cử (**từ ngày 05 đến ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bầu cử đúng Ngày bầu cử 15/3/2026**), Tổ bầu cử phải tiến hành phát Thẻ cử tri cho các cử tri ở khu vực bỏ phiếu.

Tổ bầu cử phối hợp chặt chẽ với Công an cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện việc rà soát danh sách cử tri trong quá trình phát Thẻ cử tri cho cử tri trên địa bàn, trong đó đặc biệt lưu ý các trường hợp cử tri có yêu cầu đặc biệt (như cử tri là người khuyết tật, già yếu, đang ốm đau, cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri thuộc diện cách ly, khu vực phong tỏa để phòng, chống dịch bệnh, cử tri ở khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, cử tri đang thực hiện nhiệm vụ ở trên biển, hải đảo) để có phương án, kế hoạch cho các cử tri này thực hiện quyền bầu cử.

9. Đề nghị cho biết Ủy ban nhân dân cấp xã và Tổ bầu cử cần lưu ý những nội dung gì trong ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031?

Trả lời

Điều 23 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định một số điểm cần lưu ý trong ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

(i) Căn cứ vào quy mô, số lượng cử tri ở từng khu vực bỏ phiếu và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã và Tổ bầu cử xây dựng kế hoạch, lịch trình bỏ phiếu để chủ động điều tiết, phân chia thời gian bỏ phiếu của cử tri ở từng thôn, tổ dân phố, cụm dân cư, nhóm hộ gia đình,... và thông báo rộng rãi cho cử tri thuộc khu vực bỏ phiếu biết, bảo đảm tại cùng một thời điểm trong ngày bầu cử không tập trung quá đông người ở phòng bỏ phiếu.

(ii) Trong quá trình diễn ra cuộc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải ân cần, lịch sự, hướng dẫn tận tình, chu đáo cho cử tri đến tham gia bỏ phiếu. Các thành viên Tổ bầu cử được phân công đảm nhiệm từng công việc trong ngày bầu cử phải chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công và hỗ trợ thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ chung của Tổ bầu cử.

(iii) Thành viên Tổ bầu cử hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu. Nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào (không bầu cho người có tên trong phiếu bầu cử) thì gạch ngang cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên cả hàng chữ họ và tên người ứng cử); không được khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không bầu (không để lại) quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không gạch tắt cả người ứng cử trong phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu (không gạch bất kỳ tên người ứng cử nào) đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử.

(iv) Nếu cử tri yêu cầu đổi phiếu bầu khác do viết hỏng, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu viết hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác.

(v) Khi cử tri có Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp đề nghị, nếu tên của cử tri này chưa có trong danh sách bổ sung của Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải hướng dẫn người đó đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để bổ sung vào danh sách cử tri. Việc bổ sung danh sách cử tri phải đúng với địa điểm do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp đề nghị tại Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác.

Danh sách cử tri bổ sung phải xác định rõ những người được bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Sau khi có danh sách cử tri bổ sung do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, Tổ bầu cử mới được phát phiếu bầu cho

những cử tri; khi những cử tri này đã bỏ phiếu xong thì Tổ bầu cử phải đóng dấu “Đã bỏ phiếu” lên mặt trước của Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác. Tổ bầu cử phải ghi danh sách cử tri bỏ sung để theo dõi riêng và tổng hợp số liệu sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.

(vi) Trường hợp phải sử dụng hòm phiếu phụ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra số lượng phiếu bầu khi phát ra cho thành viên Tổ bầu cử để mang theo cùng với hòm phiếu phụ đến các cử tri là người khuyết tật, ốm đau, già yếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) tại cơ sở cách ly hoặc nơi ở, nơi lưu trú của cử tri đang được cách ly; những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo để thực hiện việc bỏ phiếu do không đến được phòng bỏ phiếu. Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu.

(vii) Việc phát phiếu bầu cho cử tri và tổ chức để cử tri bỏ phiếu đối với trường hợp cử tri đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bầu cử, đồng thời, bảo đảm đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế và quy định của cơ quan có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành việc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải thực hiện việc khử khuẩn hòm phiếu phụ và mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu theo quy định.

(viii) Trường hợp việc sử dụng hòm phiếu phụ đối với các cử tri tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo, sau khi các cử tri bỏ phiếu xong nhưng do các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến khu vực bị chia cắt nên việc mang hòm phiếu phụ đến phòng bỏ phiếu không thể hoàn thành được trong ngày bầu cử (hoặc ngày bầu cử sớm đã được ấn định) thì các thành viên Tổ bầu cử phụ trách hòm phiếu phụ được phép thực hiện việc kiểm phiếu tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo theo quy định và báo cáo kết quả kiểm phiếu bằng điện báo, điện thoại, các hình thức phù hợp khác cho Tổ trưởng Tổ bầu cử. Các thành viên Tổ bầu cử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về kết quả kiểm phiếu; nộp hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử cùng kết quả kiểm phiếu bầu cử ở hòm phiếu phụ ngay sau khi về phòng bỏ phiếu.

(ix) Tổ bầu cử không được để những người không có nhiệm vụ (trừ các cử tri) vào phòng bỏ phiếu. Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy, tài liệu, băng rôn, khẩu hiệu có nội dung xấu, độc, tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch,

xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu.

(x) Cử tri có quyền quay phim, chụp hình ở phía ngoài phòng bỏ phiếu trong quá trình mình tham gia thực hiện quyền bỏ phiếu bầu cử, nhưng phải bảo đảm được thực hiện một cách có thiện chí, không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử, không cản trở việc bỏ phiếu của cử tri và không vi phạm nội quy phòng bỏ phiếu (chỉ được quay phim, chụp hình ở trong phòng bỏ phiếu nếu được Tổ trưởng Tổ bầu cử đồng ý và phải bảo đảm bảo mật thông tin bỏ phiếu của các cử tri khác trong suốt quá trình bỏ phiếu). Trường hợp việc quay phim, chụp hình làm cản trở, ảnh hưởng đến cuộc bầu cử thì Tổ trưởng Tổ bầu cử được quyền yêu cầu dừng việc quay phim, chụp hình tại khu vực bỏ phiếu và phòng bỏ phiếu.

10. Đề nghị cho biết phương án xử lý đối với các tình huống có thể phát sinh trước, trong và sau Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được quy định như thế nào?

Trả lời

Điều 32 Thông tư số 21/2025/TT-BNV quy định phương án xử lý đối với các tình huống có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

(i) Trường hợp tại địa bàn có dịch bệnh bùng phát, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chỉ đạo, hướng dẫn phương án tổ chức bầu cử đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, theo nguyên tắc địa phương chủ động xây dựng các phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp dịch bệnh bùng phát dẫn đến không thể tổ chức được việc bỏ phiếu vào đúng ngày bầu cử hoặc đối với địa phương do dịch bệnh phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội hoặc phong tỏa thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chủ động đề xuất, kịp thời báo cáo rõ phương án (thời điểm, cách thức thực hiện việc bỏ phiếu và những công việc khác cần thực hiện) trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

(ii) Trường hợp tại địa bàn xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai, hỏa hoạn làm địa hình bị chia cắt dẫn đến cử tri không thể đi đến khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo Tổ bầu cử tìm phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

(iii) Trường hợp tình hình an ninh trật tự phức tạp hoặc có nguy cơ cao xảy ra các vấn đề về an ninh trật tự, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời có phương án đảm bảo an toàn cho cuộc bầu cử.

(iv) Trong trường hợp các tình huống phát sinh tại các nội dung trên đã được các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương giải quyết nhưng không thể xử lý được hoặc do vượt quá thẩm quyền hoặc xảy ra sự cố, vấn đề đột xuất ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc bầu cử thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh kịp thời báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định phương án tổ chức bầu cử tại các khu vực này.

11. Nguyễn Văn A là sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học X đóng trên địa bàn thành phố Y. Em A mong muốn được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở giáo dục X để tiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt cá nhân? Đề nghị cho biết, nguyện vọng của A có được đáp ứng không?

Trả lời

Sinh viên Nguyễn Văn A có thể ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu có cơ sở giáo dục. Theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã quy định:

“Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú”.

Như vậy, về nguyên tắc, cử tri là sinh viên, công nhân cần đăng ký để được ghi tên vào danh sách cử tri nơi mình thường trú hoặc tạm trú. Trường hợp trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp được thành lập khu vực bỏ phiếu riêng thì cử tri là cán bộ, giáo viên, sinh viên, công nhân không thường trú hoặc tạm trú trong khu ký túc xá hoặc khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp mà có nguyện vọng tham gia bầu cử tại khu vực bỏ phiếu nơi có trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp (để thuận lợi hơn cho công việc và sinh hoạt của bản thân) có quyền xin cấp Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung vào danh sách cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo khu vực bỏ phiếu mới.

12. Đề nghị cho biết cơ quan nào có thẩm quyền kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031? Nội dung kiểm tra, giám sát việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử tập trung vào vấn đề gì?

Trả lời

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026-2031. Theo Thông tri số 04/TT-MTTW-BTT ngày 04/11/2025 của

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026-2031 về nội dung kiểm tra, giám sát việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử như sau:

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp kiểm tra việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử theo quy định tại Điều 45, Điều 46, Điều 54, Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung. Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Thành phần, số lượng cử tri, chương trình hội nghị cử tri.

- Những trường hợp đặc biệt không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định đối với người ứng cử.

- Việc lập biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị (quy định tại khoản 4 Điều 45, khoản 5 Điều 54 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân).

- Việc xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử (quy định tại Điều 46, Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân).

- Bảo đảm cử tri tham gia thực chất, dân chủ, bình đẳng.

** Thời gian thực hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/02/2026 đến ngày 08/02/2026.*

13. Đề nghị cho biết, cơ quan có thẩm quyền giám sát việc lập, niêm yết danh sách cử tri? Nội dung giám sát?

Trả lời

Theo Thông tri số 04/TT-MTTW-BTT ngày 04/11/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026-2031 thì Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp giám sát việc lập danh sách cử tri theo quy định từ Điều 29 đến Điều 34 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Cách tính tuổi cử tri.
- Tư cách cử tri và ghi tên cử tri vào danh sách.
- Người không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri.
- Việc niêm yết, nơi niêm yết danh sách cử tri.
- Việc giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri.

** Thời gian thực hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/02/2026 đến ngày 15/03/2026.*

14. Đề nghị cho biết, số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở trung ương và địa phương được phân bổ như thế nào?

Trả lời

Theo Nghị quyết số 1891/NQ-UBTVQH15 về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI, thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở trung ương và địa phương như sau:

- Số lượng đại biểu ở các cơ quan trung ương là 217 đại biểu (43,4%).

Số lượng đại biểu ở các cơ quan trung ương được phân bổ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

- + Các cơ quan Đảng: 10 đại biểu (2,0%).
- + Cơ quan Chủ tịch nước: 03 đại biểu (0,6%).
- + Các cơ quan của Quốc hội (đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương) 145 đại biểu (29%).
- + Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ: 15 đại biểu (3,0%).
- + Bộ Quốc phòng (bao gồm Bộ trưởng, cơ quan Bộ, các quân khu, quân chủng): 13 đại biểu (2,6%);
- + Bộ Công an (bao gồm Bộ trưởng): 3 đại biểu (0,6%).
- + Tòa án nhân dân tối cao: 01 đại biểu (0,2%).
- + Viện kiểm sát nhân dân tối cao: 01 đại biểu (0,2%).
- + Kiểm toán Nhà nước: 01 đại biểu (0,2%).
- + Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 25 đại biểu (5%).

- Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương là 283 đại biểu (56,6%) Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương được phân bổ như sau:

- + Cơ cấu định hướng: 179 đại biểu (35,8%).
- + Cơ cấu hướng dẫn do các địa phương giới thiệu 104 đại biểu (20,8%).

Trong đó, cơ cấu hướng dẫn là cơ cấu linh hoạt để các tỉnh, thành phố làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử, gồm đại diện các ngành: khoa học - công nghệ, tài chính, giáo dục, y tế, văn hóa - nghệ thuật, đại diện chính quyền cơ sở, nội chính, nhân sĩ, trí thức... Trong cơ cấu này, cần quan tâm phân bổ hợp lý số người là phụ nữ, người ngoài Đảng, dân tộc, trẻ tuổi và tự ứng cử.

IV. Tìm hiểu vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và đại biểu Quốc hội

1. Đề nghị cho biết, Quốc hội có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 70 Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Quốc hội có các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật;
2. Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;
3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
4. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước;
5. Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;
6. Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;
7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

8. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;

9. Quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật;

10. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội;

11. Quyết định đại xá;

12. Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

13. Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

14. Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội;

15. Quyết định trưng cầu ý dân.

2. Pháp luật quy định như thế nào về nhiệm kỳ của Quốc hội?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 71 Hiến pháp năm 2013 và Điều 2 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội là 05 năm, kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa sau.

Trong trường hợp đặc biệt, nếu được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành thì Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của mình theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc kéo dài nhiệm kỳ của

một khóa Quốc hội không được quá 12 tháng, trừ trường hợp có chiến tranh. Quốc hội khóa mới phải được bầu xong sáu mươi ngày trước khi Quốc hội hết nhiệm kỳ.

3. Đề nghị cho biết, Quốc hội có thẩm quyền bầu những chức danh nào trong bộ máy nhà nước?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 8 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Quốc hội có thẩm quyền bầu các chức danh sau:

- Bầu Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội trong số các đại biểu Quốc hội theo danh sách đề cử chức vụ từng người của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bầu Chủ tịch nước trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bầu Phó Chủ tịch nước trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước.

- Bầu Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bầu Thủ tướng Chính phủ trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước.

- Bầu Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo đề nghị của Chủ tịch nước.

- Bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Đề nghị cho biết nguyên tắc bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội bầu và phê chuẩn?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 13 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Quốc hội sẽ bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh được bầu hoặc phê chuẩn theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hoặc có kiến nghị của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và có kiến nghị của ít nhất hai mươi phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội.

Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội bỏ phiếu không tín nhiệm có thể xin từ chức. Trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu để Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn có trách

nhiệm trình Quốc hội xem xét, quyết định việc miễn nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm người không được Quốc hội tín nhiệm.

5. Đề nghị cho biết, Quốc hội có thẩm quyền quyết định các chính sách kinh tế - xã hội nào?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 7 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế-xã hội sau:

- Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hằng năm của đất nước;
- Quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.
- Quyết định các chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia;
- Quy định sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;
- Quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ;
- Quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.
- Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách cơ bản về đối ngoại của Nhà nước.

6. Thời gian hoạt động của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 24 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì thời gian hoạt động của đại biểu Quốc hội được căn cứ vào đại biểu đó hoạt động chuyên trách hay không chuyên trách. Cụ thể:

- Đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách phải dành toàn bộ thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu tại cơ quan của Quốc hội hoặc tại Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương.
- Đối với đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách, phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu Quốc hội làm việc có

trách nhiệm sắp xếp thời gian, công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu Quốc hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu.

Như vậy, ngoài thời gian tham dự các kỳ họp Quốc hội, đại biểu Quốc hội phải dành thời gian thực hiện trách nhiệm của đại biểu Quốc hội như tiếp xúc cử tri để lắng nghe phản ánh, tâm tư, nguyện vọng của cử tri; tham gia các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội; tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định pháp luật...

7. Người tham gia làm đại biểu Quốc hội cần có các tiêu chuẩn gì?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), người tham gia làm đại biểu Quốc hội cần có các tiêu chuẩn sau:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.
- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.
- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.
- Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

8. Tôi là công dân, cử tri thường trú tại tỉnh A, ông Chấn là đại biểu Quốc hội của tỉnh tôi và sinh sống gần nhà tôi. Nay tôi làm đơn tố cáo việc Công ty Z xả thải gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Hỏi, tôi có thể gửi đơn tố cáo đến ông Chấn không? Đề nghị cho biết, nếu ông Chấn có thẩm quyền nhận đơn thì việc giải quyết đơn tố cáo được tiến hành như thế nào?

Trả lời

Ông/bà có thể gửi đơn tố cáo đến đại biểu Quốc hội của tỉnh mình để phản ánh những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trên địa bàn.

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khi nhận được đơn khiếu nại, tố cáo của công dân, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết; đơn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết. Người có thẩm quyền giải quyết phải thông báo cho đại biểu Quốc hội về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nếu xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân không đúng pháp luật, đại biểu Quốc hội có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại; khi cần thiết, đại biểu Quốc hội yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

Đối với trường hợp của ông/bà, sau khi nhận được đơn tố cáo, ông Chấn có trách nhiệm chuyển đơn đó đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh A để xem xét và đơn đốc giải quyết trong thời hạn luật định, đồng thời thông báo cho ông/bà biết.

9. Trong mỗi kỳ họp Quốc hội, tôi đều quan tâm và theo dõi các buổi chất vấn được truyền hình trực tiếp trên tivi. Nhiều đại biểu Quốc hội đã đặt ra các câu hỏi thiết thực, phản ánh thực tế sự vận hành, phát triển của đời sống kinh tế - xã hội đối với các Bộ trưởng. Đề nghị cho biết, đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn những ai và yêu cầu người được chất vấn trả lời như thế nào?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 32 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước. Người bị chất vấn phải trả lời trước Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội hoặc tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội; trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội cho trả lời bằng văn bản. Trường hợp đại biểu Quốc hội không đồng tình với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại tại phiên họp của Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc gửi chất vấn bằng văn bản đến người bị chất vấn.

10. Qua phản ánh của cử tri, bà Vân là đại biểu Quốc hội tỉnh B biết doanh nghiệp Z tại tỉnh mình có hành vi xây dựng lấn chiếm không gian công cộng. Trong trường hợp này, bà cần phải làm gì?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 34 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), nếu đại biểu Quốc hội phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đại biểu Quốc hội, cơ quan, tổ chức phải giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Quốc hội biết. Quá thời hạn này mà cơ quan, tổ chức không trả lời thì đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu người đứng đầu của cơ quan, tổ chức cấp trên xem xét, giải quyết.

Như vậy, khi phát hiện hành vi xây dựng vi phạm pháp luật của doanh nghiệp Z, bà Vân có quyền đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh B thực hiện các biện pháp cần thiết buộc doanh nghiệp chấm dứt hành vi sai phạm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị của bà Vân mà Ủy ban nhân dân tỉnh B không tổ chức giải quyết và có văn bản thông báo, thì bà Vân có thể yêu cầu lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, có phương án giải quyết, xử lý sai phạm.

IV. Tìm hiểu vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Ông T có hộ khẩu thường trú tại tỉnh H. Ông T hiện đang công tác với vai trò là Giám đốc một doanh nghiệp có trụ sở chính đặt tại thành phố N (lân cận với tỉnh H). Do có nhiều đóng góp cho công tác xã hội tại thành phố N nên ông được Hiệp hội doanh nghiệp của thành phố N giới thiệu ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố N nhiệm kỳ 2026-2031 để đại diện cho khối doanh nghiệp trên địa bàn. Đề nghị cho biết ông T có thể ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố N nhiệm kỳ 2026-2031 không?

Trả lời

Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định một trong những tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân đó là: *“đ) Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân”*.

Căn cứ theo quy định trên, đại biểu Hội đồng nhân dân phải cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân. Quy định này nhằm bảo đảm đại biểu có sự gắn kết chặt chẽ với địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện vai trò đại diện, nắm bắt thực tiễn và giám sát hiệu quả việc thực thi pháp luật tại địa phương.

Tuy ông T không cư trú tại thành phố N, nhưng ông đang công tác tại doanh nghiệp trên thành phố N nên ông T có đủ tiêu chuẩn về nơi công tác để trở thành đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố N.

2. Do vấn đề ô nhiễm môi trường của nhà máy sản xuất xi măng gây ra trên địa bàn trong thời gian dài, ông Nam đã vận động và thu thập chữ ký của người dân trong xã vào đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân xã A tổ chức kỳ họp để bàn về phương án giải quyết vấn đề này. Đơn yêu cầu có 200 cử tri trong xã ký tên và có kèm theo đầy đủ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ của từng người ký tên. Biết rằng xã A có tổng cộng 4.852 cử tri. Đề nghị cho biết đơn yêu cầu này của các cử tri xã A có được chấp thuận không?

Trả lời

Căn cứ khoản 4 Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân đó là: “4. Cử tri ở cấp xã có quyền làm đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp xã họp, bàn và quyết định những công việc của cấp xã. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký của trên 10% tổng số cử tri của cấp xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị. Đơn yêu cầu của cử tri được xem là hợp lệ khi có kèm theo đầy đủ chữ ký, họ tên, ngày, tháng, năm sinh và địa chỉ của từng người ký tên. Những người ký tên trong đơn yêu cầu được cử một người làm đại diện tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị”.

Xét về đơn yêu cầu của cử tri, đơn yêu cầu có 200 cử tri trong xã ký tên và có kèm theo đầy đủ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ của từng người ký tên nên căn cứ quy định trên, đơn yêu cầu được xem là hợp lệ. Tuy nhiên, tỷ lệ số cử tri ký vào đơn yêu cầu chỉ chiếm 4,12% tổng số cử tri của xã A, tỷ lệ này chưa đáp ứng yêu cầu trên 10% theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Thường trực Hội đồng nhân dân xã A không bắt buộc phải tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân để giải quyết vấn đề cử tri xã A kiến nghị.

3. Đề nghị cho biết các nguyên tắc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã?

Trả lời

Điều 30 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

Về việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

- Tỉnh có từ 1.000.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 1.000.000 dân thì cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu.

- Thành phố có từ 1.200.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 1.200.000 dân thì cứ thêm 75.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu.

- Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh được bầu 125 đại biểu.

Về việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã:

- Xã ở miền núi, hải đảo có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 5.000 dân đến 10.000 dân thì cứ thêm 1.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 10.000 dân thì cứ thêm 3.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

- Xã không thuộc trường hợp ở miền núi, hải đảo mà có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 10.000 dân đến 20.000 dân thì cứ thêm 2.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 20.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

- Phường thuộc tỉnh có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 10.000 dân đến 20.000 dân thì cứ thêm 2.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 20.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

- Phường thuộc thành phố có từ 15.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 15.000 dân đến 45.000 dân thì cứ thêm 6.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 45.000 dân thì cứ thêm 7.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

- Đặc khu có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu; có trên 5.000 dân đến 10.000 dân thì cứ thêm 1.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu; có trên 10.000 dân thì cứ thêm 3.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu.

4. Đề nghị cho biết cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân?

Trả lời

Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

- Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

+ Thường trực Hội đồng nhân dân gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

+ Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

- Ban của Hội đồng nhân dân là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân. Số lượng, cơ cấu các Ban của Hội đồng nhân dân được quy định như sau:

+ Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội.

+ Hội đồng nhân dân thành phố thành lập Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Đô thị.

+ Hội đồng nhân dân cấp xã thành lập Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội.

+ Hội đồng nhân dân ở tỉnh, thành phố có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số được thành lập Ban Dân tộc.

+ Ban của Hội đồng nhân dân gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên.

+ Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Trưởng Ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp.

+ Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

5. Đề nghị cho biết nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh?

Trả lời

Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

a) Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật:

- Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương.

- Quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương;

- Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

- Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp; bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

b) Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

- Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

- Quyết định nguồn kinh phí để thực hiện hợp đồng một số nhiệm vụ của công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; quyết định mức phụ cấp và tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước của địa phương; quyết định chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ người có tài năng và nguồn nhân lực chất lượng cao trong hoạt động công vụ tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương theo quy định của pháp luật.

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật.

- Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình và cấp xã ở địa phương

- Quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương theo quy định của pháp luật.

- Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

c) Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách, đầu tư và thực hiện liên kết vùng:

- Thông qua quy hoạch tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt; quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh 05 năm và hằng năm, các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của địa phương, bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách, đầu tư của địa phương; về phí, lệ phí; quyết định chủ trương, biện pháp huy động, quản lý, sử dụng các nguồn vốn cho đầu tư phát triển; quyết định việc vay các nguồn vốn theo quy định của pháp luật.

- Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của địa phương theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật;

- Quyết định chủ trương, biện pháp thúc đẩy liên kết vùng, hợp tác giữa các tỉnh, thành phố theo thẩm quyền.

d) Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Quyết định chính sách, biện pháp nhằm phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương theo quy định của pháp luật.

- Quyết định chính sách, biện pháp khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

e) Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường và nông, lâm, ngư nghiệp:

- Quyết định các chính sách, biện pháp về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Thông qua quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thông qua việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, rừng thuộc thẩm quyền; quyết định bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

g) Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, xây dựng, giao thông, phát triển đô thị và hạ tầng đô thị, nông thôn:

- Quyết định chính sách, biện pháp nhằm phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch của địa phương theo quy định của pháp luật.

- Quyết định chính sách, biện pháp nhằm phát triển công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, đô thị, hạ tầng đô thị và nông thôn của địa phương theo quy định của pháp luật.

h) Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

- Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật.

- Quyết định chính sách, biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa tại địa phương; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao tại địa phương theo quy định của pháp luật.

- Quyết định chính sách, biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và các đối tượng chính sách khác tại địa phương.

- Quyết định chính sách, biện pháp phòng, chống dịch bệnh; biện pháp thực hiện chính sách dân số của địa phương theo quy định của pháp luật.

- Quyết định chính sách, biện pháp quản lý, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

i) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác; biện pháp thực hiện nhiệm vụ đối ngoại; biện pháp bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại địa phương theo quy định của pháp luật.

k) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan khác ở địa phương.

l) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Đề nghị cho biết nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã?

Trả lời

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã được quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 như sau:

a) Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

- Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn.

- Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế-xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

- Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

b) Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn.

- Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình.

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh.

- Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

c) Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:

- Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của cấp mình, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của cấp mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách cấp mình trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã.

- Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

d) Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

- Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

e) Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

- Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn.

- Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

g) Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

- Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

h) Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

- Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

i) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương.

k) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

7. Tôi được biết, ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031 được tổ chức ngày 15/3/2026. Đề nghị cho biết, Hội đồng nhân dân khóa mới phải tổ chức Kỳ họp thứ nhất trong thời gian nào, biết rằng không xảy ra tình huống phải bầu cử lại, bầu cử thêm hoặc lùi ngày bầu cử?

Trả lời

Khoản 1 Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định thời hạn tổ chức Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới như sau:

“1. Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; đối với địa phương có bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc lùi ngày bầu cử thì thời hạn tổ chức kỳ họp thứ nhất được tính từ ngày bầu cử lại, bầu cử thêm hoặc ngày bầu cử mới.”

Căn cứ quy định trên, thời gian tổ chức được xác định như sau:

- Ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân là 15/03/2026
- Vì Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Do đó, thời hạn tổ chức kỳ họp là đến hết ngày 29/04/2026

Như vậy, Hội đồng nhân dân khóa mới phải tổ chức Kỳ họp thứ nhất chậm nhất là ngày 29/4/2026.

8. Đề nghị cho biết hình thức biểu quyết của Hội đồng nhân dân và điều kiện thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân?

Trả lời

Điều 35 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định nội dung, hình thức biểu quyết của Hội đồng nhân dân và điều kiện thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân như sau:

- Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình bằng hình thức biểu quyết.
- Việc biểu quyết có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.
- Riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thông qua khi có ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

9. Đề nghị cho biết nguyên tắc và yêu cầu đối với việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính?

Trả lời

Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 quy định về nguyên tắc và yêu cầu đối với việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính như sau:

Việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính phải bảo đảm dân chủ, công tâm, khách quan, minh bạch; chú trọng tới chất lượng, lựa chọn đại biểu là những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, uy tín, trí tuệ; đồng thời bảo đảm cơ cấu hợp lý về số đại biểu là người đang công tác trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới (đối với cấp tỉnh), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn; tăng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách; có tỷ lệ hợp lý đại biểu đại diện các tôn giáo, dân tộc, giới tính, độ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội, nghiệp đoàn trong sản xuất, kinh doanh và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Bảo đảm tỷ lệ hợp lý người ứng cử đại biểu là người dân tộc thiểu số trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và tình hình cụ thể của từng địa phương và phấn đấu đạt tỷ lệ trúng cử theo dự kiến;

- Người ứng cử đại biểu là phụ nữ, bảo đảm đạt tỷ lệ ít nhất 35% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp; phấn đấu đạt tỷ lệ trúng cử khoảng 30% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

- Người ứng cử đại biểu là người ngoài Đảng, phấn đấu đạt tỷ lệ không dưới 10% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

- Người ứng cử là người trẻ tuổi (dưới 40 tuổi), phấn đấu đạt tỷ lệ không dưới 15% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 tái cử, phấn đấu đạt tỷ lệ không dưới 30% ở từng cấp.

10. Đề nghị cho biết người được Hội đồng nhân dân bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ thì có thể xin thôi giữ chức vụ hoặc xin từ chức không?

Trả lời

Khoản 2 Điều 37 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định về việc người được Hội đồng nhân dân bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ thì có thể xin thôi giữ chức vụ hoặc xin từ chức như sau:

- Người được Hội đồng nhân dân bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ thì có thể xin thôi giữ chức vụ hoặc xin từ chức.

- Người xin thôi giữ chức vụ hoặc xin từ chức phải làm đơn và gửi đến cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu Hội đồng nhân dân đã bầu chức vụ đó. Căn cứ ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền về phân cấp quản lý cán bộ, cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu Hội đồng nhân dân đã bầu chức vụ đó trình Hội đồng nhân dân, trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp thì trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ hoặc cho từ chức đối với người có đơn xin thôi giữ chức vụ hoặc có đơn xin từ chức.

- Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo phạm vi, thẩm quyền được giao trình Hội đồng nhân dân, trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp thì trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân.

- Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất đối với trường hợp cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức quy định tại khoản này./.
